

Bản án số: **85** /2023/HNGĐ-ST

Ngày: 16/3/2023

V/v: ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Lợi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Tiến Lợi

Bà Nguyễn Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Diệu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ.

Ngày 16 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 30/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2023 về việc ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị M - sinh năm 1978 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: Xóm 2, thôn 9, xã ĐL, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Anh Lê Viết L - sinh năm 1975 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn ĐD, xã TĐ, huyện CM, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Trần Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Viết L tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 07/11/1996 tại Ủy ban nhân dân xã TĐ, huyện CM, tỉnh Hà Tây (cũ). Vợ chồng chung sống hạnh phúc được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi từ nhiều năm nay. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Viết L.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị và anh L có 04 con chung là Lê Thị Thu H, sinh năm 1997; Lê Thị T, sinh năm 1999; Lê Viết Thế A, sinh năm 2003; Lê Thị Kiều T1, sinh ngày 21/01/2008. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cháu T1 và không yêu cầu anh Lợi cấp dưỡng tiền nuôi con. Các cháu H, T,

Thế A đã đến tuổi trưởng thành việc ở với ai do cháu tự quyết định. Hiện tại chị đang buôn bán tự do, thu nhập 10.000.000 đồng/ 01 tháng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Lê Viết L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị M tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 07/11/1996 tại Ủy ban nhân dân xã TĐ, huyện CM, tỉnh Hà Tây (cũ). Quá trình chung sống đến năm 2014 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và sống ly thân đến nay. Nay chị M xin ly hôn anh nhất trí.

Về con chung: Anh và chị M có 04 con chung là Lê Thị Thu H, sinh năm 1997; Lê Thị T, sinh năm 1999; Lê Viết Thế , sinh năm 2003; Lê Thị Kiều T1, sinh ngày 21/01/2008. Các cháu H, T, Thế A đã trưởng thành. Cháu T1 muốn ở với ai anh nhất trí theo nguyện vọng của cháu.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Lê Viết L cư trú tại xã TĐ, huyện CM, Tp. Hà Nội. Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt và đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị M và anh Lê Viết L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 07/11/1996 tại Ủy ban nhân dân xã TĐ, huyện CM, tỉnh Hà Tây (cũ) nên hôn nhân giữa chị M và anh L là hôn nhân hợp pháp. Trên cơ sở lời khai của chị M, anh L cho thấy: Trong quá trình chung sống, giữa chị M và anh L phát sinh mâu thuẫn đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Trước yêu cầu của chị M xin ly hôn, anh L xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn và đồng ý ly hôn. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh L đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Yêu cầu của chị M xin ly hôn anh L là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

2.2. Về con chung: Chị M và anh L xác nhận có 04 con chung là Lê Thị Thu H, sinh năm 1997; Lê Thị T, sinh năm 1999; Lê Viết Thế A, sinh năm 2003; Lê Thị Kiều T1, sinh ngày 21/01/2008. Khi ly hôn, cháu H, cháu T, cháu Thế A1 đã

đến tuổi trưởng thành, chị M xin được nuôi cháu Trinh, cháu T1 có nguyện vọng ở với ai anh L đồng ý.

Xét việc xin nuôi con chung thấy: Cháu T là con gái trên 07 tuổi có nguyện vọng ở với mẹ, chị M có công việc và nơi ở ổn định, từ trước đến nay vẫn là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1. Trên cơ sở xem xét điều kiện đảm bảo nuôi dưỡng con chung, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con chung cần giao cháu T1 cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Anh L có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị M tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh L đến khi có sự thay đổi khác.

2.4. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị M và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí: Chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1.Về hôn nhân: Chị Trần Thị M được ly hôn anh Lê Viết L.

2.Về con chung: Cháu Lê Thị Thu H, sinh năm 1997; Lê Thị T, sinh năm 1999; Lê Viết Thế A, sinh năm 2003 đã trưởng thành, không có nhược điểm về thể chất, tinh thần nên không xem xét. Giao con chung là Lê Thị Kiều T1, sinh ngày 21/01/2008 cho chị Trần Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Anh Lê Viết L có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3.Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh L đến khi có sự thay đổi khác.

4. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị M và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị Trần Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về phân ly hôn. Được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2020/0076544 ngày 17 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, Tp. Hà Nội.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị M và anh Lê Viết L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND Tp. Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Chương Mỹ;
- UBND xã TĐ, huyện CM
(Trường hợp án có HLPL);
- Lưu HSVA-VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thế Lợi